

Bản án số: 06/2019/DS-ST
Ngày: 11-01-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giữ.

Ông Huỳnh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Khanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 198/2017/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 23/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2018, Thông báo mở lại phiên tòa số: 51/TB-TA, ngày 16 tháng 11 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 207/2018/QĐST-DS, ngày 14 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng CS Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở: 169 phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu D, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện C, theo giấy ủy quyền ngày 31/10/2017 (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Huỳnh Thanh Lg, sinh năm 1980 (vắng mặt).

2. Bà Hồ Thị Tuyết L, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại ấp Vĩnh Phúc, thị trấn Cái Dầu, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình hòa giải nguyên đơn Ngân hàng CS Việt Nam (Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện C) đại diện theo ủy quyền chị Nguyễn Thị Thu D trình bày:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: 13/HĐ-TD ngày 19/9/2014 giữa Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện C với ông Huỳnh Thanh Lg, người thừa kế là Hồ Thị Tuyết L vay vốn chương trình giải quyết việc làm số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 0%, định kỳ trả gốc bắt đầu vào ngày 19/9/2015 với số tiền 150.000.000 đồng/năm.

Đến ngày 19/9/2015 ông Lg, bà L không trả được nợ do gia đình đang trong giai đoạn đầu tư và làm đề nghị với Ngân hàng điều chỉnh kỳ trả nợ đến ngày 19/9/2016. Đến hạn Ngân hàng thông báo đòi nợ thì ông Lg tiếp tục xin gia hạn thêm 12 tháng với lý do làm ăn thua lỗ, bò rớt giá phải chuyển chuồng trại đi nơi khác.

Sau khi được Ủy ban nhân dân huyện C thống nhất chủ trương cho ông Lg gia hạn thì Ngân hàng cho gia hạn đến 19/9/2017. Đến ngày 21/9/2017 Ngân hàng đã chuyển khoản nợ vay của ông Lg, bà L sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Lg, bà L phải trả số tiền 300.000.000 đồng dứt điểm 01 lần.

Đại diện nguyên đơn yêu cầu bà L cùng ông Lg chịu trách nhiệm liên đới trả số nợ vay cho Ngân hàng do Ngân hàng cho vay hộ gia đình và vay theo dự án địa phương chăn nuôi bò thịt tạo việc làm, tăng thu nhập kinh tế gia đình, không lãi suất.

Yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 16/2017/QĐ-BPKCTT, ngày 02/11/2017, về việc phong tỏa quyền sử dụng đất 7.965m², thửa số 1501, tờ bản đồ số 1, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0416696 (số vào sổ GCN: CH03073) do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 07/11/2013 cho ông Huỳnh Thanh Lg và bà Hồ Thị Tuyết L.

Ngoài ra, Ngân hàng không còn yêu cầu gì khác.

Quá trình hòa giải bị đơn ông Huỳnh Thanh Lg trình bày:

Thống nhất lời trình bày của đại diện Ngân hàng chính sách về số tiền vay 300.000.000 đồng, ông còn nợ chưa trả cho Ngân hàng, mục đích sử dụng vốn vay là chăn nuôi bò thịt. Ông Lg còn bổ sung thêm chữ ký của vợ Hồ Thị Tuyết L trong hợp đồng tín dụng là do ông tự ký chứ vợ của ông không ký mặc dù vợ ông không ký nhưng ông vẫn thừa nhận nợ đồng ý thanh toán. Tuy nhiên, ông cho rằng hiện nay công việc làm ăn khó khăn, dự án nuôi bò thua lỗ không có khả năng thanh toán, xin trả nợ theo phương án 03 tháng trả 10.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Đồng ý duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo yêu cầu của Ngân hàng.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 30 tháng 5 năm 2018 bà Tuyết L trình bày: Bà không biết việc làm của ông Lg, bạn bè của ông Lg có kêu bà cho ông Lg làm sự án chăn nuôi bò nhưng bà không đồng ý. Một thời gian sau bà biết ông Lg nuôi bò bà có hỏi thì ông Lg nói hùn vốn bạn bè. Việc Ngân hàng cho ông Lg vay tiền bà không biết, bà cũng không ký vào hợp đồng tín dụng, nên bà không đồng ý cùng ông Lg trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn không đồng ý yêu cầu của ông Lg về việc xin được trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Rút lại yêu cầu buộc bà L cùng ông Lg liên đới trả nợ cho Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định.

Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn ông Lg, bà L Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ nhưng vẫn vắng mặt không lý do, xem như từ bỏ quyền của mình, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là phù hợp tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Ngày 19/9/2014 ông Lg có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng chính sách để vay số tiền 300.000.000 đồng, giao dịch này đã được ông Lg thừa nhận và ông đồng ý trả nợ nhưng do điều kiện khó khăn xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Xét hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết là được ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự, ông Lg không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận là vi phạm hợp đồng, Ngân hàng yêu cầu thanh toán nợ là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại phiên tòa Ngân hàng rút yêu cầu buộc bà L cùng ông Lg liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, nên đề nghị đình chỉ đối với yêu cầu này. Đề nghị giải tỏa Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 10/2017/QĐ-BPBD ngày 01/11/2017 và tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 16/2017/QĐ-BPKCTT ngày 03/11/2017 để đảm bảo thi hành án. Về án phí: Do vi phạm nghĩa vụ nên yêu cầu ông Lg phải chịu án phí theo quy định, Ngân hàng được hoàn lại tạm ứng án phí đã nộp.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Các giấy tờ chứng minh tư cách chủ thể của các đương sự, Hợp đồng tín dụng số: 13HĐ-TD, Phụ lục hợp đồng tín dụng, Quyết định phê duyệt các dự án vay vốn số: 1547/QĐ-UBND; Phiếu thẩm định dự án (bản sao); Dự án vay vốn quỹ quốc gia giải quyết việc làm; Giấy ủy quyền số: 18/PGD-UQ ngày 31/10/2017; Quyết định ủy quyền số: 4716/QĐ-NHCS; Giấy ủy quyền ngày 03/05/2017; Đơn yêu cầu áp dụng biện

pháp khẩn cấp tạm thời; Giấy đề nghị phong tỏa tài khoản; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 416696; Biên bản lấy lời khai đương sự Tuyết L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là về hợp đồng dân sự – Hợp đồng tín dụng; bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Lg, bà L Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, Quyết định xét xử và các văn bản tố tụng khác nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Tuyết L là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về áp dụng luật giải quyết tranh chấp: Các bên ký hợp đồng tín dụng vào năm 2014 thời điểm Bộ luật Dân sự 2005 có hiệu lực, nhưng hợp đồng này các bên đã gia hạn nhiều lần thời hạn thanh toán cuối cùng là ngày 19/9/2017 thời hạn Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 đang có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu buộc bà L liên đới cùng ông Lg chịu trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự nên, đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Ông Huỳnh Thanh Lg có ký Hợp đồng tín dụng số: 13/HĐ-TD ngày 19/9/2014 với Ngân hàng CS Việt Nam (Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện Châu Phú), vay vốn chương trình giải quyết việc làm số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 0%, định ký trả gốc bắt đầu vào ngày 19/9/2015 với số tiền 150.000.000 đồng/năm. Đến thời hạn thanh toán ông Lg không thực hiện nghĩa vụ trả nợ do gia đình đang trong giai đoạn đầu tư, xin gia hạn đến 19/9/2016, đến hạn ông Lg xin gia hạn thêm 12 tháng với lý do làm ăn thua lỗ. Thống nhất chủ trương của Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú, Ngân hàng tiếp tục cho ông Lg gia hạn thêm 01 năm nhưng đến hạn ông Lg vẫn không trả nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn vào ngày 21/9/2017. Do ông Lg vi phạm nghĩa vụ Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu ông Lg liên đới chịu trách nhiệm thanh toán nợ dứt điểm một lần.

Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu giải tỏa biện pháp bảo đảm để Ngân hàng nhận lại số tiền đã bị phong tỏa và yêu cầu duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 16/2017/QĐ-BPKCTT, ngày 02/11/2017 để đảm bảo cho việc thi hành án.

Xét Hợp đồng tín dụng số: 13/HĐ-TD ngày 19/9/2014, Hội đồng xét xử nhận định: Việc ký kết hợp đồng tín dụng để vay vốn chương trình giải quyết việc làm giữa Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Châu Phú với ông Lg là ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Đồng thời, bị đơn ông Lg thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng như Ngân hàng trình bày, nên việc giao dịch của các bên là phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 385, Điều 398, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 94 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Quá trình thực hiện hợp đồng bên vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, bên cho vay có kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, nên được pháp luật công nhận, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

Do vi phạm nghĩa vụ trả vốn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết làm phát sinh nợ quá hạn nên Ngân hàng yêu cầu thanh toán vốn vay là có căn cứ tại điểm b mục 5.2 Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số: 13/HĐ-TD ngày 19/9/2014 mà các bên đã ký kết và phù hợp với Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Để đảm bảo việc thi hành án Ngân hàng yêu cầu duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 16/2017/QĐ-BPKCTT, ngày 02/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú là có căn cứ.

Do yêu cầu có căn cứ nên Ngân hàng được giải tỏa Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm để nhận lại số tiền đã bị phong tỏa.

[3] Về án phí:

Với yêu cầu khởi kiện được chấp nhận toàn bộ Ngân hàng CS Việt Nam được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông Lg phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 385, Điều 398, Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng CSViệt Nam đối với yêu cầu buộc bà L chịu trách nhiệm liên đới cùng ông Lg trả nợ cho Ngân hàng.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam đối với ông Huỳnh Thanh Lg.

Buộc ông ông Huỳnh Thanh Lg có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam số tiền vốn 300.000.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Ông Huỳnh Thanh Lg phải chịu 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng CS Việt Nam được nhận lại 7.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0017413 ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 16/2017/QĐ-BPKCTT, ngày 02/11/2017, về việc phong tỏa quyền sử dụng đất 7.965m², thửa số 1501, tờ bản đồ số 1, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0416696 (số vào sổ GCN: CH03073) do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 07/11/2013 cho ông Huỳnh Thanh Lg và bà Hồ Thị Tuyết L.

Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp đảm bảo số: 10/2017/QĐ-BPĐB ngày 01/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú. Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Châu Phú được nhận lại 60.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Châu Phú theo Giấy đề nghị phong tỏa tài khoản ngày 02/11/2017.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Giữ Nguyễn Hoàng Tuấn

Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

C, ngày 26 tháng 01 năm 2015

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về “T/c về ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

* Về quan hệ pháp luật: “tranh chấp về ly hôn”: Thống nhất 3/3

* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình

Huỳnh Công Tấn

Ngô Ngọc Phi